

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
I	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công		
1	Hiểu biết và biện pháp tổ chức thi công tổng thể gói thầu		
1.1	Hiểu biết về dự án và gói thầu	Có am hiểu về gói thầu	Đạt
		Không am hiểu về gói thầu	Không đạt
1.2	Trình bày công tác chuẩn bị: Nhân lực, thiết bị, vật liệu, lán trại dùng cho công trình và thiết bị thí nghiệm.	Có biện pháp khả thi	Đạt
		Không có biện pháp khả thi	Không đạt
1.3	Trình bày biện pháp thi công tổng thể các hạng mục chính của gói thầu	Có biện pháp khả thi	Đạt
		Không có biện pháp khả thi	Không đạt
2	Biện pháp tổ chức thi công chi tiết các hạng mục công trình		
2.1	Biện pháp thi công nạo vét, kiên cố hóa kênh	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ khả thi	Đạt
		Không có giải pháp và bản vẽ khả thi	Không đạt
2.2	Biện pháp thi công cống tiêu	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ khả thi	Đạt
		Không có giải pháp và bản vẽ khả thi	Không đạt
2.3	Biện pháp thi công đường quản lý vận hành, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ khả thi	Đạt
		Không có giải pháp và bản vẽ khả thi	Không đạt
2.4	Công tác hoàn thiện và bàn giao	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt
3	Khả năng cung cấp thiết bị, vật tư, vật liệu để thi công công trình		
3.1	Kê khai rõ về nguồn gốc các loại vật tư, vật liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng của từng loại: Đất cấp phối; Xi măng các loại; Đá các loại; Cát các loại; Sắt thép các loại; Gạch bê tông; cống các loại, ống nhựa các loại...	Có bảng kê khai rõ ràng kèm theo tiêu chuẩn kỹ thuật còn hiệu lực	Đạt
		Không có bảng kê khai rõ ràng hoặc không có tiêu chuẩn kỹ thuật còn hiệu lực	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		kèm theo	
3.2	Cam kết cung cấp các loại vật tư, vật liệu, thiết bị theo đúng đề xuất và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, kèm theo Hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị cung cấp các loại vật tư, vật liệu, thiết bị chính: Đất cấp phối; Xi măng các loại; Đá các loại; Cát các loại; Sắt thép các loại; Gạch bê tông; cống các loại, ống nhựa các loại...	+ Có cam kết rõ ràng kèm theo hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật liệu với đơn vị cung cấp.	Đạt
		Không có cam kết rõ ràng, không có bảng kê khai đầy đủ hàng hóa hoặc không có hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật liệu với đơn vị cung cấp.	Không đạt
3.3	Chứng minh sở hữu hoặc Hợp đồng nguyên tắc đi thuê phòng thí nghiệm sử dụng cho gói thầu, kèm theo Quyết định của phòng LAS-XD có đầy đủ các phép thử phù hợp với các hạng mục công việc của gói thầu	Có chứng minh sở hữu hoặc Hợp đồng nguyên tắc và phòng thí nghiệm đủ năng lực thực hiện các phép thử phù hợp với các hạng mục công việc của gói thầu	Đạt
		Không có chứng minh sở hữu hoặc không có hợp đồng nguyên tắc hoặc phòng thí nghiệm không đủ năng lực thực hiện các phép thử phù hợp với các hạng mục công việc của gói thầu	Không đạt
II	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn giao thông.		
1	Bảo vệ môi trường: Các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế và giảm thiểu đến môi trường xung quanh trong quá trình thi công.	Có biện pháp rõ ràng	Đạt
		Không có biện pháp rõ ràng	Không đạt
2	Phòng chống cháy nổ: Các giải pháp cụ thể cho từng công việc xây lắp, khu vực để vật tư, thiết bị	Có giải pháp cụ thể	Đạt
		Không có giải pháp cụ thể	Không đạt
3	An toàn lao động: Các giải pháp an toàn cho người, máy móc, thiết bị, vật tư cụ thể trong quá trình thi công	Có giải pháp cụ thể	Đạt
		Không có giải pháp cụ thể	Không đạt
4	Nhà thầu có phương án cụ thể về công tác bố trí bãi thải, bãi tập kết vật liệu hợp vệ sinh khi thi công công trình. Nhà thầu có phương án với Chủ đầu tư về công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng trong quá trình thi công công trình	Có giải pháp cụ thể	Đạt
		Không có giải pháp cụ thể	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
5	Nhà thầu có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công đồng thời có cam kết với Chủ đầu tư	Có giải pháp cụ thể đồng thời có cam kết đảm bảo an toàn giao thông	Đạt
		Không có giải pháp cụ thể hoặc không có cam kết đảm bảo an toàn giao thông	Không đạt
III	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì		
1	Đề xuất giải pháp bảo hành, bảo trì công trình sau khi đưa vào sử dụng theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước (bảo hành ít nhất trong 12 tháng)	Có giải pháp cụ thể và thời gian bảo hành, bảo trì đáp ứng yêu cầu.	Đạt
		Không có giải pháp cụ thể hoặc thời gian bảo hành < 12 tháng.	Không đạt
IV	Các biện pháp đảm bảo chất lượng		
1	Lập hệ thống quản lý chất lượng trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công	Có hệ thống quản lý chất lượng rõ ràng	Đạt
		Không có hệ thống quản lý chất lượng rõ ràng	Không đạt
2	Thuyết minh biện pháp đảm bảo chất lượng trong các hạng mục thi công chính	Đề xuất đủ các nội dung yêu cầu và biện pháp đảm bảo chất lượng đúng yêu cầu.	Đạt
		Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu trên hoặc đề xuất biện pháp đảm bảo chất lượng không hợp lý	Không đạt
3	Quản lý chất lượng vật tư, vật liệu: các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản.	Có thuyết minh đầy đủ, chi tiết các nội dung về công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu.	Đạt
		Không thuyết minh biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu hoặc có thuyết minh nhưng sơ sài, thiếu nội dung	Không đạt
4	Công tác kiểm tra chất lượng nội bộ của nhà thầu, lập hồ sơ quản lý chất lượng, chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu theo quy định và lập phiếu yêu cầu TVGS, Ban QLDA tổ chức nghiệm thu theo đúng quy định hiện hành.	Có thuyết minh đầy đủ, chi tiết các nội dung theo yêu cầu.	Đạt
		Không thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng sơ sài, thiếu nội dung	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
V	Tiến độ thi công		
1	Thời gian hoàn thành công trình không quá 540 ngày: Tính hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công.	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 540 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. Hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công	Đạt
		Đề xuất thời gian thi công vượt quá 540 ngày hoặc không tính đến điều kiện thời tiết. Hoặc không có sự hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, không phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công	Không đạt
2	Biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị, vật tư, vật liệu phù hợp với tiến độ thi công.	Có biểu đồ phù hợp với tiến độ thi công	Đạt
		Không có biểu đồ hoặc biểu đồ không phù hợp với tiến độ thi công	Không đạt
3	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công: Đề xuất biện pháp tăng cường thiết bị, nhân lực khi tiến độ thi công bị chậm trễ đảm bảo hoàn thành công trình theo đúng tiến độ.	Có nêu Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hợp lý, khả thi	Đạt
		Không nêu Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hoặc có nêu nhưng biện pháp đưa ra không hợp lý, không khả thi	Không đạt
VI	Uy tín của nhà thầu		
1	Uy tín của nhà thầu trong vòng 05 năm trở lại đây (tính từ năm 2021): Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP. Nhà thầu phải có văn bản cam kết với chủ đầu tư/ Bên mời thầu về nội dung này.	Nhà thầu không có gói thầu nào vi phạm.	Đạt
		Nhà thầu có gói thầu vi phạm	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn I, II, II, IV, V, VI được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn I, II, II, IV, V, VI thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh

giá bước tiếp theo.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

***Ghi chú:** Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn các tài liệu gốc nộp cùng E-HSDT và các tài liệu có liên quan để đối chiếu, xác minh tính xác thực trong quá trình đánh giá E-HSDT nếu được Chủ đầu tư/ Đại diện Chủ đầu tư yêu cầu.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: ____ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].